

Số/No: 520/2026/TB-SSIAM-NVQ
CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH
HOÁN ĐỔI

ANNOUNCEMENT
AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
To: State Securities Commission of Vietnam, Vietnam Exchange, HoChiMinh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/Fund Management company: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI/SSI Asset Management Company Limited
- Tên Ngân hàng giám sát/Supervisory Bank: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam
- Tên quỹ ETF/ETF name: QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD
- Mã chứng khoán/Securities symbol: FUSSSVFL
- Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange date: 13/07/2026
- Đơn vị tính lô ETF/Unit: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF

Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Component Securities and Cash Component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volumn	Weighting
1	ACB	6,900	5.31%
2	BID	400	0.56%
3	CTG	2,000	2.30%
4	EIB	2,100	1.42%
5	HCM	800	0.76%
6	HDB	9,000	8.29%
7	LPB	1,200	2.19%
8	MBB	12,300	10.34%
9	MSB	1,600	0.86%
10	NAB	100	0.05%
11	OCB	200	0.08%
12	SHB	18,800	8.43%
13	SSB	300	0.17%
14	SSI	7,700	6.98%
15	STB	4,700	11.24%
16	TCB	11,600	12.82%
17	TPB	1,700	0.93%
18	VCB	1,600	3.30%
19	VCI	1,300	1.08%
20	VIB	1,600	0.87%
21	VIX	10,200	5.38%
22	VND	2,100	1.29%
23	VPB	15,500	14.12%

I	Chứng khoán/Stock	2,894,515,000	98.76%
II	Tiền/Cash(VND)	36,397,771	1.24%
III	Tổng/Total (=I+II)	2,930,912,771	100%

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF Creation Unit as follow:

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket: (VND) **2,894,515,000**

+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per ETF Creation Unit: (VND) **2,930,912,771**

+ Giá trị chênh lệch/Cash component: (VND) **36,397,771**

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ For creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference into the Fund's account

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ For redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/In case stock can be replaced by cash, (if any, state clearly the reason):

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share (VND)	Applied to	Reason
1	HCM	27,800	HSC	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
2	SSI	26,550	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
3	VCI	24,450	VIETCAP	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
4	BID	41,000	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 28.4 a Thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Article 28.4 a Circular 121/2020/TT-BTC

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period (*) 13/07/2026	Kỳ trước/Last Period(**) 10/07/2026	Chênh lệch/ Difference
1.Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0.00	0.00	0.00
2.Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	2.00	0.00	2.00
3.Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	18,800,000.00	19,000,000.00	-200,000.00
4.Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Closing price	28,750.00	29,450.00	-700.00
5.Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date	0.00	0.00	0.00
của quỹ ETF/ of the Fund	556,873,426,501.00	564,947,322,827.00	-8,073,916,724.00
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	2,930,912,771.00	2,973,406,962.00	-42,494,299.00
của 1 CCQ/ per Share	29,309.12	29,734.06	-424.94
6.Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	2,793.22	2,848.21	-54.99

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 12/07/2026/ Indicator No. 5 uses the net asset value 12/07/2026.

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 09/07/2026/ Indicator No. 5 uses the net asset value 09/07/2026.

Đại diện tổ chức
Organization representative